

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2019

*“V/v chia tài sản chung và nợ
chung sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Tám.
2. Ông Điều Khuýt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Anh Trương Minh V. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

**/ Bị đơn:* Chị Đặng Thị H. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn C. Có mặt.

Địa chỉ: Số 161 đường Nguyễn Văn T, tổ 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đ.

**/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Đặng Văn G và bà Trần Thị L. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

2/ Ngân hàng C.

Trụ sở: Tòa nhà CC5, bán đảo L, quận H, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C: Ông Đinh Văn D – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh ngân hàng C huyện Đ. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3/ Công ty TNHH MTV ĐT

Trụ sở: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV ĐT: Ông Nguyễn Văn H (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ công tác: Công ty TNHH MTV ĐT, thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

**/ Người làm chứng:*

1/ Ông Trương Thanh H. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

2/ Chị Đoàn Thị G. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

3/ Ông Tô Văn S. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4/ Anh Nguyễn Văn T. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

5/ Anh Nguyễn Văn Th. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Văn S1. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Minh V trình bày: Anh V và chị H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Đ. Trong quá trình chung sống anh V và chị H tạo lập được khối tài sản chung như sau: 01 lô đất diện tích khoảng 8000m², nguồn gốc lô đất là do bố mẹ vợ cho vợ chồng anh V, chị H vào năm 2013, khi cho là đất trắng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), khi cho không có giấy tờ gì chỉ cho miệng. Sau khi nhận lô đất trên đề canh tác thì anh V và chị H đã đầu tư, trồng cây vào rẫy như sau: Trồng 239 cây tiêu, 171 cây muồng đen, 120 cây hông, 07 cây bơ, 17 cây bông gòn (Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ). Mua ông tưới trị giá 2.000.000 đồng và bỏ ra 5.000.000 đồng để múc hồ tưới nước chung với ông S, ông S1, anh T, anh Th. Ngoài ra anh V và chị H mua chung 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius, 01 tủ thuốc tây, tiền đám cưới họ hàng cho là 14.000.000 đồng.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh V và chị H có nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ 20.000.000 đồng, thời hạn trả năm 2019, mục đích vay về để đầu tư vào rẫy; nợ em gái của anh V là Trương Thị Thùy Tr số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia giá trị đất rẫy, giá trị tủ thuốc tây, 01 xe máy hiệu Yamaha sirius, tiền đám cưới họ hàng cho là 14.000.000 đồng và tiền nợ của em gái là 1.000.000 đồng. Về số nợ Ngân hàng anh V, chị H đã thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ, đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận này.

Anh V chỉ yêu cầu ông G, bà L trả cho anh V công sức đóng góp vào rẫy bằng một phần hai giá trị tài sản trên đất. Tổng giá trị tài sản trên đất là 48.550.000 đồng.

Bị đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị H và anh V là vợ chồng nhưng hiện nay đã ly hôn. Về các tài sản chung trong quá trình chung sống chị H thừa nhận các tài

sản chung của hai vợ chồng như sau: 01 xe máy hiệu Yamaha sirius và tủ thuốc tây, 03 bộ bàn ghế cắt tóc, 03 tông đơ cắt tóc.

Về nợ chung chị H thừa nhận có nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng, nợ ông G, bà L số tiền 11.000.000 đồng.

Chị H đã có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị của 03 bộ bàn ghế cắt tóc, 03 tông đơ cắt tóc và yêu cầu chia đôi số nợ của ông G, bà L.

Quá trình giải quyết vụ án anh V, chị H thống nhất các tài sản 01 xe máy hiệu Yamaha sirius và tủ thuốc tây, 03 bộ bàn ghế cắt tóc, 03 tông đơ cắt tóc thì chị H và anh V tự thỏa thuận và đồng ý rút yêu cầu khởi kiện và phản tố đối với yêu cầu này, đồng thời chị H cũng đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia đôi số nợ 11.000.000 đồng của ông G, bà L.

Về nợ Ngân hàng C 20.000.000 đồng tiền gốc thì chị H đồng ý mỗi người trả 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn.

Đối với việc anh V yêu cầu bố mẹ chị H là ông G, bà L trả tiền công sức đóng góp vào giá trị cây trồng trên đất của ông G, bà L, chị H không đồng ý. Toàn bộ cây trồng trên đất là do ông G, bà L trồng. Chị H thừa nhận trong thời kỳ chung sống thì vợ chồng chị có bỏ công sức ra làm cho ông G, bà L trên lô đất trên nhưng ông G, bà L đã trả công cho chị và anh V, khi trả thì không có giấy tờ gì, không có ai làm chứng và số tiền cụ thể bao nhiêu thì chị cũng không nhớ, người nhận tiền là chị H. Tiền 5.000.000 đồng để mức hồ tưới là có thật nhưng đây không phải là tiền của anh chị bỏ ra mà tiền do ông G, bà L đưa cho, đối với cuộn ống mua 2.000.000 đồng là có thật nhưng không phải sử dụng cho thửa đất rẫy này mà cho thửa đất khác được ông Trương Thanh H cho mượn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Phan Văn C trình bày: Luật sư đồng ý quan điểm của bị đơn và đề nghị Tòa án ghi nhận những nội dung hòa giải thống nhất được về nợ chung của các đương sự, về công sức đóng góp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Luật sư đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G, bà L trình bày: Ông G, bà L không đồng ý yêu cầu của anh V. Nguồn gốc đất trên là của vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Trương Phú H và ông Trương Phú T năm 2006 giá 10.000.000 đồng. Đất do Công ty Lâm nghiệp ĐT quản lý. Hiện trạng đất khi mua là đất trắng. Từ năm 2011, mỗi năm ông bà trồng một ít tiêu, cây hông, cây bông gòn trên đất. Đến năm 2013, ông bà cho anh V, chị H mượn một phần đất trắng trên đầu rẫy để trồng hoa màu, sau đó anh V, chị H có trồng khoảng 100 trụ tiêu giả và dây tiêu trên phần đất trắng này nhưng do không chăm sóc nên đã bị chết hết. Kể từ khi anh V, chị H ly hôn thì ông bà đã quản lý và sử dụng toàn bộ thửa đất rẫy này. Việc anh V cho rằng trong thời kỳ chung sống với chị H có đầu tư vào rẫy trồng khoảng 239 cây tiêu, 171 cây muồng đen, 120 cây hông, 07 cây bơ, 17 cây bông gòn ông, bà không đồng ý, vì toàn bộ cây trồng trên đất do vợ chồng ông bà trồng, chăm sóc, anh V và chị H có bỏ công sức ra làm công cho ông bà như làm cỏ, làm bồn, tưới nước, buộc dây tiêu... và ông bà đã trả đầy đủ tiền công cho anh V, chị H. Đối với tiền mức hồ 5.000.000 đồng là tiền của ông bà đưa cho anh V, chị H chứ không phải của anh V, chị H tự bỏ ra đầu tư. Đối với tiền 2.000.000 đồng mua ống tưới thì ông bà không thừa nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C ông Đinh Văn D trình bày: Trong thời kỳ chung sống, anh V chị H có vay của Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc. Anh V và chị H thống nhất trả khoản nợ chung của ngân hàng là 20.000.000 đồng, mỗi người trả 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thì ông D đồng ý, đề nghị Tòa án buộc các đương sự trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV ĐT ông Nguyễn Văn H trình bày: Việc các bên tranh chấp về giá trị tài sản trên đất thì Công ty TNHH MTV ĐT không có ý kiến gì, nếu một trong các bên đang sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty thì Công ty sẽ có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này Công ty không có yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Tô Văn S trình bày: Ông S có lô đất cạnh đất ông G, bà L thời điểm ông S đang sử dụng đất thì hiện trạng đất của ông G, bà L khi đó là đất trống, trồng màu, không trồng cây lâu năm. Ông S thấy hai vợ chồng anh V vào chăm sóc, phát cỏ, buộc dây tiêu trên đất. Đến năm 2016, ông không thấy vợ chồng anh V vào chăm sóc rẫy nữa. Hiện nay ông G đã lấy lại lô đất đó để sử dụng. Ngoài ra, ông S cùng với vợ chồng anh V, ông S1, anh T cùng múc hồ chung để tưới nước, mỗi gia đình đóng 5.000.000 đồng, anh V, chị H đã đóng 5.000.000 đồng để múc hồ. Sau khi múc hồ xong thì các gia đình vẫn sử dụng chung. Anh V vẫn sử dụng hồ để tưới nước vào mùa khô 2015, 2016 trên diện tích đất ông G, bà L đang sử dụng. Lý do vì sao anh V, chị H sử dụng đất này thì ông không biết và cũng không biết ai là người gây dựng tài sản trên đất.

Người làm chứng ông Trương Thanh H trình bày: Ông Hùng có tham gia làm rẫy giúp cho anh V, chị H tại thửa đất ông G và bà L cho anh V, chị H. Thời điểm ông làm cho anh V, chị H khoảng năm 2015 – 2016 không nhớ cụ thể ngày tháng. Ông tham gia đào hồ, trồng cây và sau đó có vét bồn, tưới nước, thời gian làm khoảng 15 mười ngày, làm dãi rác không liên tục.

Người làm chứng chị Đoàn Thị G trình bày: Chị G là chủ đại lý NG. Thời điểm anh V, chị H còn chung sống với nhau có ra đại lý nhà chị mua 01 cuộn ống tưới nước giá 2.000.000 đồng vào khoảng năm 2015. Anh V là người đi mua và trả tiền, việc mua bán là có thật.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn S1 đều xác nhận việc anh V, chị H có múc hồ tưới nước chung và anh V có góp tiền chung để múc hồ sau đó cùng sử dụng hồ tưới nước chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông G, bà L thanh toán cho anh V một phần công sức đóng góp vào rẫy số tiền 10.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về chia đôi giá trị đất rẫy; còn 48.550.000 đồng; yêu cầu chia giá trị 01 xe máy hiệu Yamaha sirius; tủ thuốc tây; yêu cầu trả khoản nợ chung 1.000.000 đồng cho chị Trương Thị Thùy Tr; yêu cầu chia số tiền 14.000.000 đồng họ hàng cho đám cưới của anh Trương Minh V.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đặng Thị H đối với yêu cầu chia đôi giá trị của 03 bộ ghế cắt tóc và dụng cụ cắt tóc; yêu cầu chia đôi số nợ chung 11.000.000 đồng vay của ông G, bà L.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh V, chị H: Buộc anh V, chị H mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Trương Minh V khởi kiện yêu cầu chị Đặng Thị H trả tiền công sức đóng góp vào rẫy và nợ chung nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “*Chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn có địa chỉ tại thôn 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Anh V khai trong quá trình chung sống anh V và chị H được bố mẹ vợ là ông G, bà L cho một lô đất rẫy diện tích khoảng 8000m² vào năm 2013, hiện trạng đất là đất trắng, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV ĐT. Sau khi nhận lô đất trên để canh tác thì anh V và chị H đã đầu tư vào rẫy như sau: trồng 239 cây tiêu, 171 cây muồng đen, 120 cây hông, 07 cây bơ, 17 cây bông gòn có tổng giá trị là 48.550.000 đồng. Ngoài ra anh V chị H còn đầu tư 5.000.000 đồng để múc hồ tưới nước chung với ông S, anh Th, anh T, ông S1, mua ống tưới nước của đại lý NG số tiền 2.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Tô Văn S khai có thấy hai vợ chồng anh V, chị H vào chăm sóc, phát cỏ, buộc dây tiêu trên lô đất ông G, bà L đang sử dụng. Ngoài ra, ông S cùng với vợ chồng anh V, ông S1, anh T, anh Th cùng múc hồ chung để tưới nước, mỗi gia đình đóng 5.000.000 đồng, anh V, chị H đã đóng 5.000.000 đồng để múc hồ. Sau khi múc hồ xong thì các gia đình vẫn sử dụng chung.

Những người làm chứng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn Th đều thừa nhận việc múc hồ tưới chung với anh V, chị H.

Việc mua ống tưới nước số tiền 2.000.000 đồng của đại lý NG là có thật.

Tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành đối chất giữa anh V, chị H và ông G, bà L và công bố lời khai của những người làm chứng để làm rõ những mâu thuẫn có việc anh V, chị H có đầu tư vào rẫy hiện nay ông G, bà L đang sử dụng không nhưng chị H và ông G, bà L không thừa nhận. Việc anh V cho rằng đã cùng chị H đầu tư trồng, chăm sóc đối với 239 cây tiêu trồng năm 2013, 171 cây muồng đen trồng năm 2013,

120 cây hồng trồng năm 2014, 07 cây bơ trồng năm 2014, 17 cây bông trồng năm 2015 (Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ) nhưng không có căn cứ chứng minh.

Bị đơn chị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G, bà L không thừa nhận việc anh V đầu tư vào rẫy mà cho rằng vợ chồng anh V, chị H chỉ bỏ công ra làm, ông bà đã trả tiền công cho anh V, chị H đầy đủ, tiền mức hồ 5.000.000 đồng cũng do ông G, bà L tự bỏ ra nhưng không có căn cứ chứng minh việc trả tiền công và đưa tiền cho anh V trả tiền mức hồ. Chị H thừa nhận có mua ồng tưới hết 2.000.000 đồng nhưng không sử dụng vào rẫy đang có tranh chấp là không có căn cứ vì ngoài thửa đất hiện đang có tranh chấp thì anh V, chị H không có thửa đất rẫy nào khác.

Anh V không chứng minh được việc đầu tư trồng cây trên đất nhưng việc anh và chị H cùng chăm sóc các cây trồng trên đất là có thật, việc đầu tư mức hồ tưới số tiền 5.000.000 đồng, mua ồng tưới số tiền 2.000.000 đồng là có thật. Ông G, bà L, chị H cũng thừa nhận việc anh V, chị H bỏ công chăm sóc đối với cây trồng trên đất trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, những người này cho rằng đã thanh toán đầy đủ tiền công cho anh V nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, yêu cầu chia công sức đóng góp của anh V là có căn cứ.

Theo kết quả định giá tài sản cây trồng trên đất có giá là 48.550.000 đồng.

Vì vậy, HĐXX có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về công sức đóng góp vào giá trị tài sản trên đất, do ông G và bà L đang sử dụng đất nên cần buộc ông G, bà L hoàn trả cho anh V công sức đóng góp đầu tư vào rẫy số tiền là 10.000.000 đồng.

[2.2] Về nợ chung: Anh V, chị H nợ Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc quá trình giải quyết vụ án anh V, chị H thỏa thuận mỗi người trả 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn cho Ngân hàng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính công sức đóng góp trong tổng giá trị tài sản trên đất 48.550.000 đồng; rút yêu cầu chia giá trị 01 xe máy hiệu Yamaha sirius, tủ thuốc tây và rút yêu cầu khoản nợ của em gái anh V chị Trương Thị Thùy Tr 1.000.000 đồng, số tiền họ hàng cho đám cưới 14.000.000 đồng.

Bị đơn chị Đặng Thị H có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia đôi giá trị của 03 bộ ghế cắt tóc và dụng cụ cắt tóc, chia đôi số nợ chung 11.000.000 đồng vay của ông G, bà L.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và về nội dung vụ án là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản tổng số tiền là 2.800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh V được HĐXX chấp nhận một phần nên cần buộc anh V phải chịu 1.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản được khấu trừ vào số tiền anh V nộp tạm ứng 2.800.000 đồng. Buộc ông G, bà L phải chịu 1.400.000 đồng tiền chi

phí xem xét thẩm định tại chỗ, do anh V đã nộp toàn bộ số tiền trên nên ông G, bà L phải hoàn trả lại cho anh V số tiền 1.400.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29; Điều 33; Điều 37; Điều 59; Điều 60; Điều 61 Luật hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh V.

Buộc ông Đặng Văn G và bà Trần Thị L trả cho anh Trương Minh V số tiền công sức đóng góp là 10.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành nghĩa vụ giao tiền.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Trương Minh V và chị Đặng Thị H. Buộc Chị Đặng Thị H, anh Trương Minh V mỗi người có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng C chi nhánh huyện Đ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi khi đến hạn.

Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi giá trị đất rẫy; yêu cầu chia giá trị 01 xe máy hiệu Yamaha sirius; chia giá trị 01 tủ thuốc tây; yêu cầu trả khoản nợ chung 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho chị Trương Thị Thùy Tr, yêu cầu chia số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) họ hàng cho đám cưới của anh Trương Minh V.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đặng Thị H đối với yêu cầu chia đôi giá trị của 03 bộ ghế cắt tóc và dụng cụ cắt tóc; yêu cầu chia đôi số nợ chung 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) vay của ông G, bà L.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). Buộc anh Trương Minh V phải chịu 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Buộc ông Đặng Văn G, bà Trần Thị L phải chịu 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), do anh Trương Minh V đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên ông Đặng Văn G, bà Trần Thị L hoàn trả lại cho anh Trương Minh V số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Văn G, bà Trần Thị L phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trương Minh V phải chịu 713.500đ (Bảy trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận và 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ. Được khấu trừ vào số tiền anh Trương Minh V đã nộp tạm ứng là 5.087.500đ

theo biên lai thu số 0000405 ngày 31/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho anh Trương Minh V số tiền còn lại là 4.124.000đ (Bốn triệu một trăm hai mươi tư nghìn đồng).

Buộc chị Đặng Thị H phải chịu 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000481 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, hoàn trả lại cho chị H số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- STP tỉnh Đăk Nông;
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THA huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Triệu